CÁC LỄ TỤC TRUYỀN THỐNG TRONG CHU KỲ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở CĂM-PU-CHIA

ĐÀO NAM SƠN - LÊ THANH SỬ

Con người - cũng như mọi sinh vật đều theo một quy luật chung: sinh ra, trưởng thành, rồi chết đi. Đây là chu kỳ cuộc đời của bất cứ ai, ở bất cứ tộc nào, quốc gia nào. Trong chu kỳ ấy, ở mỗi tộc người đều có những lễ nghi tập tục nhất định theo truyền thống của mình, mà ở đó toát lên nhiều thông tin đối với dân tộc học, văn hóa học, nghiên cứu tín ngưỡng - tôn giáo, v.v. Bài viết này, giới thiệu các lễ tục truyền thống trong chu kỳ đời sống của người Khơ-me ở Cam-pu-chia qua tư liệu điền dã.

1. Các lễ tục về sinh nở

Đối với người Khơ-me đón một đứa trẻ ra đời, là sự kiện quan trọng trong đời sống. Họ vui mừng, lo lắng và hy vọng; thể hiện qua các tục: *kiêng cữ, chôn rau, nằm lửa, lễ hết hạn nằm lửa, lễ đền ơn, lễ cúng thần Đất, lễ mở mắt, lễ cắt tóc máu, lễ gọi vía.*

1.1. *Tục kiêng cữ (pị-thi t'rô nom)*

Khi có thai, người đàn bà phải kiêng cữ nhiều. Mỗi loại kiêng đều có mục đích và thường phản ánh quan niệm khoa học thô sơ, nhuốm màu tín ngưỡng - tôn giáo.

Muốn đứa trẻ ra đời được khỏe mạnh, người mẹ kiêng thức ăn cay, kiêng ăn cháo, kiêng mặc váy áo chật, kiêng lấy vật cao quá tầm tay. Gặp khi nhật thực, nguyệt thực họ lấy bình vôi đặt lên bụng, mong giữ cho đứa trẻ khỏi sợ hãi. Họ quan niệm: lúc vũ trụ biến thiên nếu không "làm phép" như vậy, đứa trẻ ra đời dễ bị tật nguyền, đần độn. Chính vì vậy mà những đứa trẻ xấu số nói chung còn được gọi là "đứa con của nhật thực, nguyệt thực".

Muốn đứa trẻ ra đời được dễ dàng người mẹ còn kiêng ngủ ban ngày, kiêng tắm buổi tối vì sợ con bụ quá, khó đẻ. Người mẹ kiêng ngồi ở ngạch cửa, ngạch cầu thang (nói chung là những nơi có hình thể gấp khúc). Họ còn kiêng đi thăm người đẻ khó và kiêng nằm ườn. Khi họ trở dạ, chỉ có đàn ông mới được đi mời bà đỡ.

1.2. *Tục chôn rau (pị-thi cóp-sốc).*

Giống như người Việt, người Khơme có tục chôn rau. Cha đứa trẻ thường là người mang rau đi chôn. Có nơi, người ta không chôn rau mà đốt rau hay đem rau đặt lên một chạc cây sau khi đã chọn được một hướng đặt tốt lành.

1.3. *Tục nằm lửa (pị-thi ăng ph'lơng)* và lễ hết hạn nằm lửa (*pị-thi tùm-lẹ choong-cran*)(1).

Sau khi sinh con, người đàn bà phải nằm bên lò lửa 3 ngày hoặc 7 ngày (nếu sinh con đầu lòng). Do tin có tà ma đến quấy nhiễu, người ta vời thầy cúng trừ tà. Thầy cúng trổ tài bằng cách quấn một sợi chỉ sống (một sợi tơ) xung quanh hoặc gạch chéo một vạch vôi, hoặc dán sáp nguyên chất lên một cây cột trong nhà sản phụ. Trợ thêm vào đó, đôi khi, người ta còn giấu dao hoặc kéo dưới chiếu phía đầu giường đứa trẻ.

Người nằm lửa không được ngồi dậy, đặc biệt là không được trò chuyện với bất kỳ ai, trừ một người, đó là người được phân công nhóm và giữ lò lửa.

Hết 3 hoặc 7 ngày người ta làm một lễ gọi là lễ hết hạn nằm lửa. Bà đỡ khởi đầu

(1) Tiếng Khơme: *pị thi*: lễ, tục; *ăng ph'lơng*: nằm lửa; *tùm-lẹ*: hết hạn; *choong cran*: bếp, bếp lửa.

lễ này bằng việc lấy 4 nắm cơm đặt lên một tàu lá chuối cầu nguyện thần Đất, xin thần phù trợ cho hai mẹ con sản phụ. Cầu nguyện xong, bà đỡ ném các nắm cơm xuống đất đãi ma quỉ, xin ma quỉ đừng đe dọa họ. Lễ xong bếp lò được tắt ngay. Người nhóm lò, giữ lửa là người dập lửa.

1.4. *Lễ đền ơn (pị-thi vung-voan)* là lễ xin dung thứ (*pị-thi khạ ma-tôs*).

Lễ đền ơn do chính tay sản phụ soạn đặng đền đáp công lao của bà đỡ. Ở một vài nơi, người chồng cũng tham gia soạn lễ đền ơn cùng vợ. Do ảnh hưởng thuyết luân hồi của nhà Phật, người Khơme rin rằng nếu không chu tất lễ này, sản phụ sẽ phải nhận một sự trừng phạt ở kiếp sau. Trường hợp bà đỡ tỏ ý không hài lòng người chồng phải đội một cái chiếu chạy theo xin lỗi. Thường thì các lúc ấy, bà đỡ không buồn ngoái lại và đáp lại nữa.

Ngày đứa trẻ ra đời, theo tập tục khơme phải tiến hành 4 lễ thức sau đây:

1.5 *Lễ cúng thần Đất (pị-thi bon-s'ron prẹ Thô-rẹ-nây).*

Đây là lễ đầu tiên trong ngày. Lúc hành lễ, người ta đặt đứa trẻ nằm chính giữa phòng. Bên cạnh nó là người mẹ. Đầu đứa trẻ quay về phía mặt trời mọc. Dưới chân nó là thúng lúa ngải và các mâm lễ vật: mâm thức ăn, mâm quần áo, mâm đồ trang sức. Bà đỡ đốt nến, thắp nhang xin thần Đất ban cho đứa trẻ một tương lai phú quí, tốt lành.

1.6 *Lễ mở mắt (pị-thi bớc ph'nốc).*

Bà đỡ lấy mực tàu trộn với sữa người mẹ (hoặc rượu) bôi lên mắt đứa trẻ. Không biết ý nghĩa sâu xa của việc làm này quan niệm Khơme là gì nhưng trong thực tế hỗn hợp sữa và mực tàu tạo nên một màu mắt đẹp.

1.7 *Lễ cắt tóc máu (pị-thi cắt sọ-pray).*

Người ta cắt một nhúm tóc trên thóp đứa trẻ, bỏ vào một cái giỏ, tưới thêm vài giọt rượu, rồi đưa ra ngoài sân, cúng dâng thần Đất. Xét đến cội nguồn lễ tục, chúng tôi ngờ rằng lễ cắt tóc máu có thể đã sinh ra trên cơ sở đan xen, hòa nhập giữa tín ngưỡng ma thuật với tục hiến sinh của người Khơme.

1.8. *Lễ gọi vía (pị-thi hau pro-lưng).*

Người Khơme cho rằng mỗi người có tất cả 19 vía. Khi ngủ vía rời khỏi thể xác bay đi cầu may. Nếu vía rong chơi lâu quá, chủ vía sẽ yếu đau, và người ta phải làm lễ gọi vía để gọi vía về. Đứa trẻ mới sinh cũng được làm lễ gọi vía. Người ta lấy một cái nhẫn vàng, xâu vào một sợi chỉ sống (sợi tơ) khấn gọi vía về. Sau đó, phải buộc chiếc nhẫn tượng trưng cho vía này vào một cổ tay đứa trẻ, còn cổ tay kia thì buộc sợi chỉ sống.

Kết thúc 4 lễ nói trên, bà đỡ lại đốt nến, thắp nhang cắm lên các lễ vật khác nhau rồi mời ông bà đứa trẻ đến thụ lộc và chúc phúc cho cháu nhỏ. Cha, anh và các người thân khác trong gia đình, lần lượt từng người một, đến bên đứa trẻ, chúc phúc cho nó. Ai cũng *choong dạy* (như ta gọi là *lót tay* hay *tặng quà*) một vài thứ tùy theo khả năng của mình.

2. Các lễ tục cưới xin

Chế độ hôn nhân của người Khơme tương đối rành mạch nhưng không thuần nhất. Người ta thừa nhận rằng có một thời gian dài người đàn ông được quyền lấy nhiều vợ. Luật tục quy định: Nhà vua có thể lấy mười một vợ, quan chức và thường dân có thể lấy 3 vợ. Người đàn bà chỉ được lấy 1 chồng.

Ngày nay chế độ hôn nhân của người Khơme là chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Cái bản lề nối 2 chế độ hôn nhân là đạo luật 2/1920(1). Đạo luật này trên thực tế không có mấy hiệu lực đối với nhà vua và tầng lớp quý tộc.

Về tuổi thành hôn, luật tục không quy định chặt chẽ. Người nào ở tuổi "biết xấu hổ" (*chés yên Khơme*), "biết tự trọng" (*chés s'ro-lanh cắt-tẹ dúas*) là có quyền lấy vợ (hoặc lấy chồng).

Trong thời đại Ăng-co (đầu thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIII), người đàn bà Khơme có đầy đủ quyền tự do trong việc lựa chọn bạn đời. Họ cũng có quyền quyết định ly hôn. Từ thời kỳ sau đó, quyền tự do trong hôn

(1) Theo T'run Nghia, *Tìm hiểu văn minh Kh'mer, Ph nôm Pênh, 1974.*

nhân của người đàn bà Khơme bị thu hẹp dần.

Trong hôn thú, luật tục Khơme cho phép kết hôn với người dân tộc khác, nhưng việc kết hôn với người đẳng cấp khác lại là điều cấm kị.

Phải thừa nhận rằng người Khơme coi hôn thú và việc tổ chức lễ thành hôn là một sự kiện quan trọng trong đời sống. So với các lễ tục khác, lễ tục cưới hỏi được tổ chức trọng thể, cầu kì nhất. Ai bỏ qua các lễ tục sẽ không được mọi người tôn trọng. Các lễ tục cưới hỏi được diễn ra theo trình tự như sau:

2.1. *Lễ mai mối (pị-thi che-châu).*

Đây là lễ đầu tiên trong các lễ tục cưới hỏi. Trước nhất, cha mẹ hoặc người đỡ đầu bên nhà trai tìm một phụ nữ làm bà mối. Đó là người có uy tín, đồng thời không bị bạc phước về duyên phận lứa đôi và có quan hệ thân thiết với bên nhà gái. Biết chắc cô gái chưa có nơi nào đặt "Trầu cau", bà mối chọn ngày lành tháng tốt đi "đánh tiếng" với nhà gái. Nghi lễ mai mối phải tiến hành 3 lần. Mỗi lần đều phải mang theo trầu cau để "làm đầu câu chuyện". Lời mai mối không trực tiếp, mà ẩn dưới những hình ảnh bóng gió đủ để bên nhà gái hiểu. Ví dụ như: "Nghe nói bên nhà có một cây hoa vừa mới nụ..." Cứ như thế diễn ra trong 3 lần. Sau lần thứ 3, khi nhà gái thuận tình - "Bắc cầu thang cho lên" - bà mối liền báo tin cho nhà trai biết để chuẩn bị lễ hỏi.

2.2. *Lễ hỏi (pị-thi đòn-đâng)*

Biết nhà gái đã ưng ý, nhà trai tiến hành chuẩn bị cho lễ ăn hỏi. Trước hết, bao giờ cũng có động tác "bắn tin" để nhà gái đồng thời chuẩn bị. Nghi lễ hỏi cũng phải tiến hành 3 lần.

Lần thứ nhất: vào ngày đã chọn, 3 người đàn bà đẹp đường duyên lứa được nhà trai chọn làm *nẹ ph'lâu* (bà mai - nghĩa đen của từ là *người đưa đường*) mang một đôi khay đựng lễ vật đến nhà gái. Trong khay gồm có trầu, cau, thuốc, chuối chín, bánh chưng, bánh ít xếp thành từng cặp. Lần này *mê ba* (đại diện nhà gái) nhận lễ nhưng không hứa hẹn gì. Vì rằng, theo họ, "Mọi cái còn phải bàn bạc kỹ đã!".

Lần thứ hai: *3 nẹ ph'lâu* lại mang lễ đến nhà gái. Đựng trong đôi khay có khăn đỏ phủ lên trên là trầu cau, thuốc... mọi thứ đều như lần trước, nhưng ngoài ra còn có thêm nến (1 đôi) rượu (1 chai). Nhà gái vẫn giữ thái độ như lần trước. Bởi vì, phong tục dạy thế. Lễ hỏi lần thứ 2 này có tên là lễ *Còn - seng* (*Còn - seng* là cái khăn).

Lần thứ ba: lần này nhà trai cử thêm 3 *nẹ mô-ha* (ông mai - *nẹ* = người, *mô-ha* = lớn - tỏ ý tôn trọng) mang lễ vật đi. Lễ vật có thêm gạo, cá, thịt, rau, trái cây cùng một số vật dùng bằng vàng và đá quí. Chàng rể tương lai phải có mặt trong lễ hỏi này. Chú rể và cô dâu tương lai phải trải qua một đợt "kiểm tra" như ta gọi là kiểm tra chéo: Nhà gái kiểm tra chàng trai, nhà trai kiểm tra cô gái. Đôi khi có thêm thủ tục đôi trai gái trao nhẫn cho nhau. Lễ lần thứ 3 này có tên là lễ *S'la m'lu* (*S'la* là trầu, *m'lu* là cau). Nhà gái thường tỏ ra chưa thỏa mãn về tư cách của chàng trai. Bởi vậy, chàng trai phải đến phục vụ bố mẹ cô gái cho đến ngày cưới. Tuy nhiên, nhà gái chỉ giao cho chàng trai những việc ở phạm vi nhà ngoài: Anh ta chưa có quyền vào nhà trong.

2.3. *Lễ ấn định (pị-thi chun còm-nót*: *chum* là đưa, dâng; *còm-nót* là ấn định).

Người Khơme chọn ngày làm lễ thành hôn rất kĩ càng. Tháng theo âm lịch có 29 ngày được coi là tháng đực. Họ tránh cưới xin vào tháng đực vì tin rằng sẽ khó làm ăn và hiếm con. Đạo phật cũng có một vài tháng kiêng không tổ chức hôn lễ. Ngày lành, tháng tốt đã lựa chọn được phải ghi vào *bản ấn định* (*C'ro-đa Còm-nót*: *C'ro-đa* là giấy, bản).

Lễ ấn định tổ chức bên nhà gái. Một *nẹ ph'lâu* dâng bản ấn định cho *mê ba* (đại diện nhà gái - chủ hôn). Người này mở ra, đọc trịnh trọng cho mọi người cùng nghe. *Nẹ ph'lâu* dâng lễ vật (trầu, cau, chuối chín) và xin *mê ba* cho biết những yêu cầu của nhà gái. Từ lúc này trở đi, chàng trai được làm giúp gia đình nhà gái mọi việc. Cô gái cũng được sắm sửa giường, gối và "cơm nước" cho chàng trai,

hai người được chăm sóc cho nhau lúc yếu đau.

Ở một số vùng, hễ nhà trai hoàn tất lễ ấn định thì coi như lễ cưới đã tiến hành được một nửa. Nếu như có điều gì bất trắc, chỉ cần làm một lễ nhỏ cúng gia tiên. Đôi trai gái xem như đã thực sự thành vợ thành chồng mà không cần tổ chức lễ cưới nữa. Lễ tục cưới xin của người Khơme rõ ràng vừa chặt lại vừa lỏng giúp cho những người đàn ông có hoàn cảnh khó khăn cũng có thể lấy được vợ mà không bị người đời mai mỉa. Tất nhiên, để chu tất nhà trai cũng phải tốn một khoản tiền không nhỏ vào lễ hỏi. Bởi vì, trong *lễ Trầu cau (S'la m'lu)*, nhà trai đã phải dùng tới vàng và đá quí để biện lễ, mặc dù không có quy định cụ thể về số lượng. Nhờ vậy, nhà trai có thể biện lễ tùy theo sức của mình, miễn là sao cho giữ được thể diện cho mình và cũng làm đẹp lòng hai họ.

2.4. *Lễ cưới*

Người Khơme có một nhóm từ đồng nghĩa chỉ một khái niệm chung là lễ cưới nhưng có sự khác nhau về sắc thái:

- *Moong-cul ca*: lễ cưới (trung tính, ít dùng)

- *Riếp ca*: lễ cưới (thân mật, thường dùng, do rút gọn từ thành ngữ *Riếp moong-cul* = tổ chức lễ cưới).

- *A-via Vị-via*: lễ thành hôn (cổ, trang trọng, ghép từ *A-via - việc đưa con về nhà trai, với từ Vị-via* = việc đưa con trai về nhà gái).

- *A-via moong-cul Vị-via moong-cul* (cổ, trang trọng, đầy đủ, nghĩa như *A-via Vị-via*)

- *A-pia pị-pia*: lễ thành hôn (trang trọng, hiện dùng trong văn chương, thiếp cưới)

Người Khơme cho rằng cách thức tổ chức lễ cưới của họ đều dựa vào cách thức của thần linh. Có 3 ý kiến lí giải:

1. Lấy cách thức trong lễ cưới của thần *P'rẹ Riêm* với nàng *Si-ta*.

2. Lấy cách thức của thần *P'rẹ vây-son* khi thần chuẩn bị lễ đăng quang cho cháu là *Crư S'la* và nàng *Nghia Li*.

3. Lấy cách thức trong lễ đăng quang của thần *P'rẹ thoòng* và nàng *Niêng-nịa*.

Theo truyền thống, lễ cưới được tổ chức tại nhà gái. Song, trước tiên nhà trai phải xin phép bên nhà gái và phải được nhà gái bằng lòng, giống như việc nhà trai phải mang lễ vật đến nhà gái làm lễ hỏi. Truyện cổ *Núi trai núi gái* (*Ph'num b'rôs ph'num s'nây*) giải thích tục này như sau: "Ngày xưa vương quốc Kh'mer có một nữ vương trị vì. Đến tuổi thành hôn, nữ vương phải đi hỏi chồng, bởi vì không ai dám hỏi đấng quân vương làm vợ cả. Rồi thành lệ, trong thần dân con gái phải đi hỏi con trai làm chồng. Về sau, giữa một số con gái và một số con trai có cuộc đua tài. Họ giao ước: bên trai và bên gái mỗi bên đắp một ngọn núi, đắp trong một ngày, bên nào đắp được cao hơn là bên ấy thắng, người bên thua sẽ phải đi cầu hôn người bên thắng. Bên gái dùng mưu đốt một đèn lồng treo lên một cây sào dài. Bên trai tưởng rằng sao mai đã mọc nên dừng đắp trước. Kết cục, núi bên gái cao hơn. Từ đó, con trai phải đi hỏi con gái làm vợ". Xa xưa, người phụ nữ Khơme vẫn được coi trọng và có nhiều quyền hạn. Trong hôn nhân, họ luôn ở vị thế chủ động. Cho dù hiện nay người Khơme đã vượt xa thời kì mẫu hệ nhưng một số phong tục cũ giành ưu thế cho nhà gái vẫn được duy trì trong việc lấy vợ, lấy chồng.

Nhìn sang những lĩnh vực khác, như lĩnh vực ngôn ngữ chẳng hạn, dấu ấn của chế độ mẫu hệ còn in khá đậm nét. Hầu hết những từ chỉ cương vị cao và vị trí trọng yếu đều có cấu tạo tiền tố *mê* (*mê* có nghĩa là mẹ), như *mê đay* (ngón tay cái), *mê chơng* (ngón chân cái), *mê ba* (chủ hôn), *mê ph'te* (chủ nhà), *mê crua sa* (chủ gia đình), *mê phum* (thôn trưởng), *mê bành-chia-ca* (chỉ huy trưởng), *mê bia* (người cầm cái trong đám bạc), *mê chan* (tướng cướp)... v.v...

Theo truyền thống, lễ cưới được tiến hành trong 3 ngày: ngày *chôl rôông* (ngày vào rạp), ngày *Si còm-nót* (ngày ăn tiệc), ngày *Sòm-pẹ* (ngày bái lạy).

2.4.1. Ngày *Chôl rôông*. Đó là ngày nhà trai đến dựng rạp tại nhà gái. Rạp có 3 gian: một gian để nấu nướng, một gian để ăn tiệc còn một gian giữa gọi là gian *hoa cau (Ph'ca m'lu)* để chàng trai ở cho đến khi xong lễ

cưới. Trước gian hoa cau có dựng bàn thờ thần linh. Trước lối vào rạp, bao giờ cũng vậy, người ta kết một cổng chào bằng lá xanh. Hai bên cổng trồng 2 cây chuối *năn-va* (loại chuối có buồng như chuối mắn nhiều nải, quả nhỏ xinh) với hai buồng chuối đã già, trổ ra mập mạp. Đây là dấu hiệu biểu trưng cho sự hoàn thiện về phẩm hạnh, thể chất, dung nhan của người con gái trước khi lấy chồng.(1)

Trang hoàng xong các đồ nấu được chuyển vào rạp. Trong lễ cưới không thể thiếu 2 loại bánh là bánh chưng và bánh ít. Theo phong tục, bánh chưng biểu tượng của giòng giống cao quí (không phải bánh chưng vuông, mà tựa tựa như bánh tét Nam bộ, nhưng nhỏ hơn). Còn bánh ít làm bằng bột lọc, màu trắng trong, có hình bẹt - biểu tượng của âm hộ nàng *Ây-ma* (nàng *khoái lạc* trong tín ngưỡng). Người Khơme cho rằng, nếu thiếu hai loại bánh này trong lễ cưới đôi vợ chồng trẻ sẽ bị tuyệt giống. Tục này có lẽ bắt nguồn từ tín ngưỡng phồn thực của người Khơme cổ - một tín ngưỡng hiện hành rõ nét ở vật thờ tại các ngôi đền lớn trên đất nước Cam-pu-chia như đền *Tôn-lê Ba-ti* ở tỉnh Ta Keo, đền *Ăng Co* ở tỉnh Xiêm Riệp. v.v.

2.4.2. Ngày *Si còm-nót*. Buổi sáng, họ hàng nhà trai đưa chú rể và đem theo đoàn nhạc công đến nhà gái. Chú rể vào ở trong *gian hoa cau*. Trong khi đó, ở nhà trên, nhà gái làm lễ cúng gia tiên, thưa với gia tiên về sự tác thành của con cháu.

Buổi chiều, có *lễ cắt tóc (pị thi cắt sọ)* cho cô dâu và chú rể. Cô dâu cắt tóc ở nhà trên. Chú rể cắt tóc trong *gian hoa cau*. Trước khi cắt tượng trưng mấy nhát tóc, người thợ cầm kéo và cầm lược hát, múa. Mấy nhát tóc được đặt vào trong một cái giỏ kết bằng lá chuối rồi đem vứt đi. Theo quan niệm Khơme vậy mọi xui xẻo đã được rũ bỏ.

Tiếp theo là *lễ Dâng lễ vật (pị-thi K'rông-pia-li)* cho trưởng thôn để báo tin hôn lễ, và *lễ Niệm thần chú (pị-thi sốt mon)*. *Lễ niệm thần chú* được tiến hành đồng thời ở nhà dưới và gian hoa cau. Thầy cúng niệm thần chú. Đôi trai gái ngồi nghe, nhận nước phép để mong được hạnh phúc và thịnh vượng mãi mãi.

Buổi tối, nhà trai xếp trái cây và bánh theo phong tục để dâng cho đại diện nhà gái. Sau đó là *lễ Giã thuốc nhuộm răng (pị-thi Bốc lẹ th'vơ th'mênh: Bốc lẹ* = giã thuốc, *th'vơ* = làm, *th'mênh* = răng) cho cô dâu. Nếu lễ này đã tiến hành trong ngày *Rời bóng mát (Chênh m'lúp)* - ngày kết thúc thời gian khổ luyện, kiêng cữ trong phòng kín - thì không phải làm nữa.(2)

Đồ dẫn cưới được nhà gái tiến hành định giá bằng bạc nén nguyên chất.

Lúc gần sáng, 3 người đàn bà đứng tuổi có gia đình êm ấm sửa soạn xâu trầu, cau (loại đã được niệm thần chú từ hôi chiều) thành từng chuỗi. Chuỗi thứ nhất có 21 quả cau, 21 lá trầu - gọi là *chuỗi hoa cau cả (ph'ca S'la ch'boong)*. Chuỗi thứ hai có 12 quả cau, 12 lá trầu - gọi là *chuỗi hoa cau giữa (ph'ca S'la con-đal)*. Chuỗi thứ ba có 6 quả cau, 6 lá trầu - gọi là *chuỗi hoa cau út (ph'ca S'la pâu)*.

Ngày *Si còm-nót* là ngày ăn tiệc nhưng trong lệ tục không quy định ăn uống như thế nào. Chỉ biết, khách mời đều là thực khách. Người ta ăn uống, chúc tụng trong tiếng nhạc. Tối đến, nhiều nơi, bàn ghế được thu gọn lại để tổ chức dân vũ. Ai cũng được mời vào vòng nhảy. Cuộc vui kéo dài tưởng như vô tận.

2.4.3. Ngày *Sòm-pẹ*. Từ mờ sáng, chú rể và cô dâu đều vận trang phục truyền thống. Chú rể được một sư thầy phụ trách xem giờ hướng dẫn lạy thần linh. Anh ta ngồi quay mặt về phía đông chờ lấy giờ tốt. Khi giờ tốt đến sư thầy gõ vào thanh la 3 hồi ngắn, anh ta cúi lạy mặt trời mới mọc 3 lần.

Xong đâu đấy, chú rể được dẫn lên nhà trên để làm lễ. Ông sư thầy cầm đao mở đường, theo sau là 3 ông mai, 2 người bưng đĩa, 3 người cầm 3 chuỗi hoa cau, 1 người cầm khay bạc dẫn cưới rồi đến chú rể và người cầm ô, cuối cùng là mấy nhạc công. Cả đoàn tới

1. Xem thêm bài "Tục *Chôl m'lúp* của người Khơmer" Đào Nam Sơn, Báo Giáo dục và thời đại, Số 1-1993.
2. Xem thêm bài "Tục chôl m'lúp của người Khơmer", đã dẫn.

chân cầu thang(1). Tại đó, một đứa bé (là em hoặc người gần gũi với cô dâu) bưng một chậu nước nhỏ, rửa chân cho chú rể và đưa cho chú rể một miếng cau. Chú rể liền "lót tay" cho nó một ít tiền lẻ. Đứa bé dắt chú rể lên nhà. Ở trên nhà, chú rể ngồi vào chiếu, cung kính, quay mặt về phía Đông. Trước mặt chú rể là mâm lễ vật, gồm có: 1 đĩa trầu cau, 2 đĩa cơm, 1 đầu lợn (hoặc 1 con gà luộc) và vài cặp bánh chưng, bánh ít. Nhà gái có vài lời gọi là "tuyên bố". Chú rể được hướng dẫn lạy cầu phúc lộc, tức 3 *chuỗi hoa cau* đã nói ở trên, đặt trên một cái gối. Một bà mai cầm ngọn nến vào buồng mời cô dâu ra đối mặt với chú rể. Hai người ngồi xây lưng vào nhau. Mọi người múa hát xung quanh. Ở một số vùng, người ta có múa đao. Hình thức này nhắc lại một sự tích xa xưa về lòng chung thủy. Múa đao xong người ta đặt nhẹ đao lên ngón tay cô dâu, và chú rể. Đôi khi, sư thầy cũng đặt lên tay đôi uyên ương một bình vôi và một cái *nạ* (một loại dao nhỏ).

Họ thường múa *Pô pưl* (một loại nhạc cụ nhỏ, khi lắc phát ra âm thanh vui tay). Câm *pô pưl* biểu diễn gồm 5 người đàn ông và 5 người đàn bà. Họ đều là những người đã thành gia thất mà không bị bạc phước. *Pô pưl* được chuyển từ tay này sang tay kia với những động tác uyển chuyển. Kết thúc bài múa *pô pưl*, ông sư thầy đọc kinh, người làm *mê ba* buộc vào cổ tay cho đôi vợ chồng trẻ mỗi người một sợi chỉ trắng.

Chuỗi hoa cau cả được giữ lại. Chuỗi hoa cau út và chuỗi hoa cau giữa được chia cho họ hàng, bè bạn. Họ đem cau, trầu đi rắc như ta rắc vàng mã vậy.

Một tràng thanh la cho phép cô dâu, chú rể "nhập phòng". Cô dâu đi trước. Chú rể theo sau, vừa đi vừa túm mép áo cô dâu. Chi tiết này đặc biệt quan trọng. Truyện cổ Khơme Vua Rắn (*P'rẹ thông niêng nia*) có mô tả chi tiết này lúc vua rắn đưa vợ "nhập phòng". Chúng tôi ngờ rằng việc túm mép áo cô dâu của chú rể ngoài đời, và việc vua Rắn túm áo vợ - như kiểu rắn ngậm đuôi nhau - trong truyện cổ kia có một mối liên hệ nào đó chưa sáng tỏ.

Trong phòng, cô dâu trao trầu, cau và châm thuốc cho chú rể. Họ trao nhau vật làm tin rồi hát múa điệu hát "Cuộn chiếu". Sau đó, họ quay ra phục vụ chủ hôn trong tiệc rượu.

Thời cổ, đám cưới có 2 bữa tiệc lớn: một bữa vào chiều ngày *Si-còm-nót*, một bữa vào sáng ngày *Sòm-pẹ*.

Buổi tối, muộn hơn lúc gà lên chuồng lễ Hợp cẩn (*pị-thi Ph'som đòm-nếc*) được tiến hành ở phòng cô dâu. Hai người đàn bà đứng tuổi đứng ra sửa lễ. Đồ cúng gồm: một mâm mặn, một mâm ngọt và một trái dừa tươi. Họ đốt nến, thắp nhang cúng gia tiên. Nhang vừa tàn, họ múc 3 thìa nước dừa tươi bón cho cô dâu, múc 3 thìa nước dừa khác bón cho chú rể. Sau đó, cô dâu bóc chuối bón cho chú rể, và ngược lại. Như thế, người Khơme tin đôi tân hôn đã biết yêu thương nhau và sẽ yêu thương nhau trọn đời.

Sau lễ cưới 3 ngày, chú rể, cô dâu cùng với một vài người mang *chuỗi hoa cau cả* và đồ ăn ngọt, đồ chay dâng cho các nhà sư ở một chùa đã chọn. Kế đó, cha mẹ (hay người đỡ đầu) đôi bên đưa đôi trẻ đi đăng ký hôn thú. Lễ đăng kí phải có 2 người làm chứng nữa. Cho đến lúc này, đôi trẻ mới được luật tục công nhận chính thức.

Những ngày tiếp theo, họ đưa nhau đi chào bà con, bạn bè trong họ. Xin lưu ý rằng, luật tục không cho phép những đôi trai gái yêu nhau nhưng chưa kết hôn được đi đôi với nhau. Cho đến ngày nay, những con nhà gia giáo, những người có học vẫn tôn trọng điều đó. Dẫu ai có mặn mà mời chào, họ chỉ đến một mình, riêng lẻ.

Lễ thành hôn và những lễ trước đó, theo phong tục, thật rườm rà, phức tạp. Tuy nhiên, mọi cái đều có lí do tồn tại. Ngày nay, trong cưới xin, người Khơme đã đơn giản bớt một số nghi thức. Thời gian để tổ chức lễ cưới (*Riếp ca, Apia pị pia...*) có thể tùy theo hoàn cảnh. Đối với những gia đình có khó khăn này khác, lễ cưới thường chỉ gói trọn trong 1 ngày.

---

1. Người Khơme phần lớn ở nhà sàn. Mọi sinh hoạt chủ yếu là ở sàn trên. Ngày nay ở Ph'nôm Pênh những ngôi nhà hiện đại vẫn mang dáng dấp nhà sàn cổ.

3. Các lễ tục tang ma

Người Khơme xem nhẹ cái chết, không quá đau buồn trước cái chết của người thân. Họ coi người chết là người đi về một thế giới khác. Họ thấm rất sâu giáo lí của nhà Phật. Tuy vậy, việc tổ chức tang lễ được coi là một nghĩa vụ, một việc làm quan trọng để người chết được siêu thoát và để cho người sống thể hiện lòng biết ơn của mình.

Những người chết đuối, chết sét đánh, chết thắt cổ hay chết vì các tai nạn khác, thi thể của họ đều xếp vào loại xác chết rủi ro hay là xác chết vô phúc (*Kh'moóc tai-hoong: Kh'moóc* là xác chết, *tai-hoong* là rủi ro, vô phúc). Từ xa xưa, những người chết như vậy không được người thân tổ chức tang lễ. Tử thi được đem đi chôn, đợi đến ngày tốt thân nhân sẽ đào xương lên "làm ma". Dần dần tục này được loại bỏ. Những người chết "rủi ro" cũng như những người chết bệnh, chết do tuổi già đều được thân nhân tổ chức tang lễ. Loại trừ những trường hợp "đi ngay" thân nhân không có thời gian chuẩn bị, còn với những trường hợp khác các lễ tục được thực hiện rất chu đáo ngay từ trước, khi một người tắt thở.

3.1. Những lễ tục trước khi chết

Lúc thân nhân "gần đất xa trời", người nhà cho thỉnh 1 (hoặc 4) nhà sư đến cầu kinh. Một sư thầy (sư *A cha*) được lo việc "phán xét" những hành vi trước đây của người sắp chết - tựa tựa như làm lễ "rửa tội" của thiên chúa giáo. Thực chất việc làm này là an ủi người sắp qua đời và an ủi những người đang sống. Lúc này, ai đó có điều gì "không phải" với người sắp chết cũng đến xin tha thứ. Người sắp chết được nhẩm theo một đoạn kinh có tên là kinh *Pu thau hom* cho linh hồn được siêu thoát.

Người nhà dâng cho các sư thức ăn, vật dùng cốt để người sắp chết trông thấy, yên tâm, và cũng là để cho các sư hài lòng về cách ăn ở của gia đình.

Về phần sư thầy, ông ta chuẩn bị những vật cần thiết để làm phép, như: nến, "đọt cau", "cờ vía", và 6 "lá bùa" là một tấm mỏng bằng vàng (hoặc bằng bạc, bằng đồng), có khi là tấm lá cọ hay mảnh giấy, nhằm lúc người sắp chết vừa trút hơi thở cuối cùng thì lấy từng lá một đặt lên trán, môi, cằm ngực và hai tay thi hài. "Đọt cau" là bọc lá chuối cắm trầu, cau và nhang. Họ lấy "đọt cau" đặt vào tay người chết để về "thế giới bên kia" người chết có lễ vật dâng thần *P'rẹ chô-lam-nây* (thần Kim cương) - vị thần được giao trọng trách giữ trâm cài đầu cho Phật. "Cờ vía" được làm bằng một miếng vải trắng, dài bằng khoảng cách từ khuỷu tay đến đầu ngón tay người chết. Trên "cờ vía" có khi được vẽ hình thần *P'rẹ chô-lam-nây*, có khi để trống. Ở một số vùng, người ta còn vẽ lên cờ vía hình một con cá sấu - Do đó dù có hình cá sấu hay không "cờ vía" còn được gọi là *cờ cá sấu*. Ngày nay, loại cờ này thường được làm sẵn, bán ở chợ trong các quầy chuyên bán những vật dùng phục vụ cho tang ma, nhà nào "có việc" thì mua.

"Cờ vía" đặt ở đầu giường người chết, nối tới tượng Phật hoặc tượng thần *P'rẹ chô-lam-nây* bằng một sợi chỉ. Người Khơme tin rằng, "cờ vía" sẽ là vật nâng đỡ linh hồn người chết đến một thế giới mới.

Người nhà căng vải trắng như căng màn quanh giường người sắp chết. Nếu có điều kiện, họ vẽ lên vải hình đức Phật tọa thiền, quanh ngài là chúng sinh xúm xít. Hiện nay, ở một số chùa như chùa *Voót loong-ca* - một chùa lớn nằm ở khu trung tâm thủ đô Ph'nôm Pênh - nơi quàn thi hài chờ đến giờ thiêu có những hình vẽ trên vải nói trên được thay bằng những bức tranh tường màu sắc, đường nét rất hài hòa.

3.2. Những lễ tục sau khi có người chết.

3.2.1. *Lễ tục khâm liệm và quàn thi hài.*

Sư thầy vuốt mắt cho người vừa mới tắt thở, lấy 6 "lá bùa" đặt vào những chỗ phải đặt (đã nói ở trên). Người nhà đốt 5 cây nến đặt 2 bên đầu, 2 bên vai (mỗi bên 1 cây), cây còn lại đặt dưới chân tử thi. Đĩa nến đốt từ trước khi thân nhân tắt thở được thay bằng một cây đèn dầu hỏa. Người Khơme tin rằng việc thay đĩa nến cũ bằng cây đèn dầu khớp với việc người ta đi từ thế giới này sang

thế giới khác. Đặt phía dưới chân người chết còn có một thúng lúa ngải, một vốc bạc, 5 "tay" vải trắng (mỗi "tay" có độ dài từ khuỷu tay đến đầu ngón tay), 1 nải chuối chín, 1 ngọn đèn dầu (đã nói ở trên), 1 *cà-om* nước lã và một hòn đá.

Trước nhà cắm 1 (hoặc 2) *cờ cá sấu* để báo hiệu trong nhà có người mới chết.

Thi hài được tắm táp. Theo tín ngưỡng, việc làm này thể hiện lòng biết ơn của người sống đối với người chết. Người ta rảy nước thơm và chải tóc cho người chết - chải 3 lần về phía sau, 3 lần về phía trước. Đây là qui ước của lòng tin: mọi chúng sinh trên thế gian này đều luẩn quẩn với vòng "Sinh - Tử - Sinh". Thân nhân quấn *xà-rông* cho người chết bằng 4 tay vải quấn mối về phía trước, 4 tay vải quấn mối về phía sau. 4 tay vải trắng khác quây thành áo. Tươm tất rồi người ta còn lấy dây *bas* (một loại dây nhỏ chỉ dùng khi liệm) quấn vào cổ, cổ tay, cổ chân người chết. Theo lời dạy trong kinh Phật, người ta ràng buộc với thần thế 3 điều (3 mối ràng buộc): vợ (chồng), con, và của cải; ai thoát khỏi 3 mối ràng buộc ấy sẽ về nơi vĩnh hằng, thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Tiếp đó, người ta lấy một cắc vàng (hoặc 1 cắc bạc) bỏ vào miệng người chết. Người ta cho rằng, chết đi không ai có thể mang theo của cải, người sống nên chu tất với người đã chết.

Thi hài được phủ lên mặt một tấm vải trắng hình vuông. Người ta lại dùng dây *bas* buộc xác một lần nữa rồi khiêng đặt vào trong quan tài. Một vài nhà sư đến bên quan tài đọc kinh cầu siêu (*păng sô côl*). Đối với gia đình nghèo khó, lễ đọc kinh có thể làm trong 1 ngày. Ở những gia đình khá giả, lễ này kéo dài 2 đến 3 ngày.

3.2.2. *Lễ đưa đám (pị-thi C'buôn Đoòng-he sóp)*

Đến ngày thiêu xác, có lễ rước thi hài đến nơi thiêu. Đôi khi, trước lúc chuyển cữu, người ta làm lễ quay *pô pưl* 3 vòng quanh quan tài. Lúc bắt đầu chuyển cữu, một nhà sư lấy nước trong cà-om rảy lên hòn đá gọi là "diệt" hòn đá. Sau đó, nhà sư lấy chân hất cả hòn đá lẫn cà-om nước xuống đất.

Đám rước đi theo thứ tự: các nhà sư đọc kinh đi trước, sau đó là các nhà sư cầm "cờ vía", các nhạc công nhà đám, mấy người vừa đi vừa rải bỏng (bỏng tượng trưng cho xương người chết), tiếp đến là 1 người buộc quanh đầu một sợi dây tết bằng lá cỏ tranh (phải là người tu hành, có quan hệ bà con với người chết), sợi dây được nối với quan tài(1). Tiếp nữa là những người đốt xác khiêng quan tài, người đội nến và gia quyến, bà con, bạn hữu của người chết.

Đến nơi, đám rước diễu 3 vòng quanh đài thiêu, từ trái qua phải, rồi đặt quan tài lên bệ thiêu (còn gọi là bệ cá nhám). Đầu người chết được đặt quay về hướng Tây.(2)

3.2.3. *Lễ thiêu xác (có một số từ đồng nghĩa: Đốt sóp = đốt xác, Rùm-li-ây sóp* = Hỏa táng xác, *Rùm-li-ây sạ-sây-rẹ* = Hỏa táng thi hài)

Quan tài được mở nắp. Ông sư thầy mở vải liệm, mở khăn đậy mặt. (Một số người lấy chiếc khăn này để làm phép. Họ tin rằng chiếc khăn sẽ giúp họ ăn nên, làm ra). Các mối dây *bas* được cắt. Các nhà sư đọc kinh cầu siêu. Họ hàng, thân hữu mỗi người cầm một cành hoa, hoặc một nắm nhang chắp tay mặc niệm. Kết thúc bài cầu siêu mọi người đặt hoa hoặc nhang lên xác người chết xin xá tội lần cuối cùng. Sư thầy và 4 người đốt xác đốt đèn dầu đi quanh quan tài. Quan tài được đẩy dần vào lò. Người có cương vị, uy tín lớn nhất lúc này được châm ngọn lửa tượng trưng.

---

1. Người Khơme nói rằng: sợi dây tết bằng lá cỏ tranh (nói trên) tượng trưng cho ngàn mạng sống. Các mạng sống nối tiếp nhau từng nút một như những mắt xích trong dây xích của sự sống (chaine d'existences).
2. Về hướng đặt, người ta đã tính toán sẵn khi xây đài thiêu. Mặt đài thiêu quay về hướng Tây. Bệ thiêu (bệ cá nhám - nơi đặt thi hài để làm những thủ tục cuối cùng) nằm dọc theo trục đông - tây. Cửa lò cũng quay về hướng Tây.

Lửa cháy, các nhà sư thuyết pháp. Thường thì họ nói về sự luân hồi của kiếp người...

3.2.4. *Lễ đổi dạng (pị-thi P're rụp)*

5 hoặc 6 giờ sau khi đốt, ước chừng xác đã cháy hết những người đốt xác lấy vải đậy quan tài (lúc trước) ném qua lửa 3 lần để giải sui. Một nhà sư bưng vò nước phép cùng những người đốt xác ôm *cà-om* đi quanh đài thiêu 3 vòng, rảy nước dập lửa. (Thường chỉ là dập lửa tượng trưng mà thôi). Các loại hạt như lúa, đỗ vừng được rải lên thi thể người đã thành tro. Có lẽ lễ thức này thể hiện quan niệm sự sống nảy mầm từ cái chết.

Lễ đổi dạng được tiến hành 3 bước để linh hồn có thể đi về 3 thế giới.

Bước 1: một nhà sư lấy xẻng vun tro thành hình người, đầu quay về hướng Đông.

Nhà sư hỏi: - Đã tốt hay chưa?

Người đốt xác trả lời: - Chưa tốt đâu!

Bước hai: nhà sư ấy lại lấy xẻng vun tro thành hình người, đầu quay về hướng Tây.

Nhà sư hỏi: - Đã tốt hay chưa?

Người đốt xác trả lời: - Chưa tốt lắm!

Bước ba: nhà sư lại lấy xẻng vun tro thành hình người, đầu quay về hướng Đông, như lần đầu.

Nhà sư lại hỏi: Đã tốt hay chưa?

Lần này, người đốt xác trả lời: - Tốt rồi!

Lúc đó, người ta mới lấy một tàu lá chuối đậy lên hình người, rồi lấy 5 "tay" vải trắng đặt lên trên tàu lá chuối. Lát sau, tang gia nhặt hài cốt (những mảnh xương vụn còn sót lại) rửa bằng nước chua, nước phép và nước dừa tươi. Con cháu nào nhặt được cắc vàng (hoặc cắc bạc) hay chiếc răng người chết, thì coi đó là món quà tặng đặc biệt của người chết và giữ gìn rất cẩn thận. Hài cốt đã rửa sạch được đặt vào trong một cái tiểu nhỏ bằng bạc (hoặc bằng sành) mang về cất ở trong nhà.

Sau khi đã làm lễ 100 ngày (lễ bách nhật) người ta có thể tiếp tục cất giữ hài cốt trong nhà, hoặc mang đặt vào bên trong một cái tháp nhỏ xây ở rìa sân chùa.

2.4.5. *Lễ cúng (pị thi Sen p'rên)* và để tang (*ca căn túc*).

Buổi tối, hôm thiêu xác xong, tang chủ thỉnh các sư đến đọc kinh, thuyết pháp. Sáng hôm sau, tang gia làm cơm chay dâng sư để đưa hương hồn người chết về nơi chính quả.

Lễ 7 ngày và lễ 100 ngày cũng làm như thế.

Việc để tang (*ca căn tác*) là việc trọng. Thân nhân người quá cố thường cạo tóc, mặc quần áo trắng (hoặc quần áo đen). Có nơi, người ta mặc quần áo đen (hoặc váy - *sòm pốt* - đen), áo trắng.

Theo phong tục Khơme thời gian để tang kéo dài 100 ngày, nhưng cũng có người để tang đến 1 năm.

*

* *

Cũng như ở các tộc khác, sinh nở, kết hôn và tang ma là 3 cái mốc lớn trong chu kỳ đời sống, gắn với những lễ tục quan trọng của người Khơme Căm-pu-chia. Các lễ tục truyền thống đã trình bày trên đây hiện diện khá thống thất ở dân tộc Khơme nước bạn. Trong đó có thể thấy cả những yếu tố bản địa, cả những yếu tố ngoại lai mà nền văn hóa Khơme đã tiếp thu lâu đời, đặc biệt là sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng vạn vật hữu linh cùng các tín ngưỡng nguyên thủy khác.

Có lẽ, ở một chừng mực nào đó, ở người Khơme nước ta cũng có những lễ tục truyền thống trong chu kỳ đời sống như thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH:

1. *Lễ lạt trong gia đình người Kh'mer* - Viện Phật giáo - Ph'nôm Pênh - 1958 - (Tiếng Kh'mer)
2. *Luật lệ nghi thức của đấng tối cao* - chép Pưn - Ph'nôm Pênh - 1965 - (Tiếng Kh'mer)
3. *Tìm hiểu văn minh Kh'mer* - T'rưn Nghia - Ph'nôm Pênh - 1974 - (Tiếng Kh'mer)
4. Tuyển tập truyện cổ Kh'mer - Nxb Thông tin phổ thông Cách mạng - 1990 - (Tiếng Kh'mer).